

## Dấu ấn văn hóa của họ Nguyễn gốc Lý.

Nhà Lý do Lý Công Uẩn người làng Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh) lập ra. Công Uẩn lên ngôi hoàng đế là vua Lý Thái Tổ năm 1010 dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La đổi thành Thăng Long (Hà nội).

Nhà Lý trị vì được 215 năm (1010 - 1225), qua 9 đời vua. Nhà Lý suy tàn từ thời vua Lý Cao Tông. Sách Đại Việt sử ký toàn thư nhận xét vua Cao Tông chơi bời vô độ, chính sự hình pháp không rõ ràng, giặc cướp nổi như ong, đói kém liên năm, cơ nghiệp nhà Lý từ đấy suy.

Năm 1209, có loạn Quách Bốc, Thái tử Sảm chạy đến nương nhờ họ Trần ở Hai Ấp, nhờ sức họ Trần mang quân về đánh dẹp Quách Bốc. Từ đó họ Trần nắm giữ binh quyền. Năm 1210, vua Cao Tông chết, thái tử Sảm lên thay, tức là Lý Huệ Tông. Triều chính hoàn toàn trong tay họ Trần.

Đầu năm 1226 (tháng 12 năm Ất Dậu), Trần Thủ Độ lật đổ nhà Lý, đưa Trần Cảnh lên ngôi tức Trần Thái Tông (trị vì 1226-1258), lập ra nhà Trần (1226-1400). Để củng cố nhà Trần, Trần Thủ Độ kiếm cách tiêu diệt tất cả con cháu nhà Lý. Trần Thủ Độ bức tử thượng hoàng Lý Huệ Tông và chủ trương là phải tiêu diệt tận gốc dòng họ Lý để tập hợp nhân tâm hướng vào triều đại nhà Trần, năm 1232 ông đã sát hại 70 tôn thất nhà Lý khi họ đang làm lễ tế các vua Lý ở Thái Đường (Hoa Lâm). Trần Thủ Độ buộc những người họ Lý phải đổi ra họ Nguyễn vì *Nguyễn tổ tên húy là Lý, mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn, và lại cũng để dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với nhà Lý...* [1].

Trần Thủ Độ đẩy những tôn thất nhà Lý bắt đổi ra họ Nguyễn, lên chỗ giáp biên giới Trung Hoa, cho ở tụ vào hai làng Bằng Hà và Ba Điểm. (Làng Bằng Hà thuộc tổng Yên Lưu, huyện Giáp Sơn phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương, Làng Ba Điểm thuộc châu Hữu Lũng tỉnh Bắc Giang ngày nay). Cả hai làng này đều phản lại triều đình khi quân Mông Cổ xâm chiếm Việt Nam. Sau khi thắng được giặc Nguyên, vua nhà Trần cấm dân hai làng này không được thi cử hay làm quan và phải đi làm lính. *Những quân-dân thì được thứ tội cả, duy có hai làng Bằng-hà, Ba điểm trước hết theo giặc, cả làng phải đi làm binh-lính, không khi nào được làm quan.*[2]

Một số người họ Lý đã phải chạy lên biên giới lánh nạn và đổi thành họ Nguyễn, nhờ vậy đã tránh được tai vạ. Trong gia phả những người gốc Lý vẫn không bao giờ quên chua chừ họ Nguyễn bên cạnh tên họ Nguyễn. Khi nhà Trần mất, nhiều gia đình họ Lý đã bị đổi thành họ Nguyễn tìm cách về xuôi. Làng Bằng Hà thì không biết ra sao, còn làng Ba Điểm thì thiên về nam, định cư ở đồng làng Hương Mạc, Kim- Thiều lập thành họ Nguyễn ở làng đó. Vùng này còn gọi là Xóm Kề Đóm. Sau thành làng, lấy tên chừ là Vân Điềm, tên nôm Kề Đóm vẫn còn.

Người họ Nguyễn gốc Lý đầu tiên về làng Vân- Điềm là cụ Thiện Tính làm thuê cho một người cũng họ Nguyễn trong làng. Hơn một trăm năm sau (khoảng 1400), sống qua mấy đời làm ruộng ở Kề Đóm, nhà họ này biến thành dân quê với lời trối từ đời này sang đời kia : *“ Họ ta là một cành vua Lý. Nhà Trần bắt ta đổi họ Nguyễn, nhưng chúng ta phải nhớ rằng ta vốn là dòng dõi Lý bát đế. Tổ ta, cụ trung liệt Lý Quang- Bật là con thứ sáu Nghĩa Nam Vương Lý Hưng- Tích là con thứ ba của Lý Thánh- Tông Hoàng đế vì chống lại họ Trần mà thiệt mạng. Ngày kia, trời tựa, ta phải trừ nợ giống quân phùng chài Hải Ấp”* (họ Trần).[3]

Lời trối truyền khẩu như thế đến đời thứ tám là Nguyễn Bồn, con Bồn là Vũ đi học làm thầy đồ, cháu Bồn là Thực học giỏi, làm con rể Tiến sĩ Thượng thư triều Mạc là Đàm Cư và là học trò của Tiến sĩ họ Nguyễn người làng Kim- Thiều cũng là một đại thần của nhà Mạc. Nguyễn Thực không ứng thí với nhà Mạc và đỗ Đình nguyên Hoàng giáp năm 1595, đời vua Lê Trung Tông. Ông làm đến chức tể tướng, tước vị là Thượng thư quốc lão về hưu. Sau này con cháu kế tiếp đỗ khoa giáp, là một họ lớn ở Bắc Giang [4].

Họ Nguyễn gốc Lý làng Vân Điềm có 8 tiến sĩ, 6 vị có tên trên bia ở quốc tử giám Hà nội là Nguyễn Thực, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thẩm, Nguyễn Khuê, Nguyễn Sĩ và Nguyễn Thường, 2 vị ở văn miếu Huế là Nguyễn tư Giản và Nguyễn Kham. 4 người đi sứ sang Trung Quốc là Nguyễn Thực, Nguyễn Nghi, Nguyễn Sĩ và Nguyễn Thường.

Họ này đóng góp trong văn học nước nhà bằng nhiều tác phẩm. Nguyễn Thực có 16 bài thơ cận thể (văn) chép trong " *Toàn Việt thi lục*".

Tại chùa Thiên Thế ở thôn Đông, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn (Hà Nội) hiện còn tấm bia trụ cỡ lớn khắc tháng 11 năm Thịnh Đức thứ hai 1654, do Nguyễn Nghi là con Nguyễn Thực soạn.

Con Nguyễn Thường là Nguyễn Đường là cháu 6 đời của Nguyễn Thực, làm Hiến sát sứ, đã từng ngồi chung với chúa Nam Đoan Vương Trịnh Khải đánh trận Ngũ Long. Khi quân vỡ, ông bị lạc chúa và đi ở ẩn, ở Du Lâm (Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội).

Con của Nguyễn Đường là Nguyễn Án (1770-1815), làm tri huyện Tiên Minh (nay là Tiên Lãng, Kiến An) là danh nhân văn hóa đất Thăng Long, viết với Phạm Đình Hồ sách *Tang thương ngẫu lục*. Ông có một tập thơ chữ nho là *Phong lâm minh lại thi tập*.

Cháu nội của Nguyễn Án là Nguyễn Tư Giản, đỗ hoàng giáp Tiến sĩ năm 21 tuổi. Ông là một danh sĩ, làm quan đến chức Thượng thư Bộ Lại, từng trải qua những chức vụ trọng yếu suốt gần 40 năm, phục vụ 7 đời vua nhà Nguyễn. Ông và các nhân sĩ thức thời như Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện dâng lên vua Tự Đức chương trình canh tân đất nước, mở mang bang giao với phương Tây.

Ông còn là nhà thơ nổi tiếng để lại nhiều tác phẩm giá trị. Trong 2 năm đi sứ nhà Thanh (1868-1869), Nguyễn Tư Giản đã có 3 tác phẩm với hàng trăm bài thơ tặng và đối đáp với danh sĩ Trung Hoa và các sứ thần Triều Tiên. Tài ngoại giao văn chương của ông được triều đình nhà Thanh mến mộ, tặng ông một bức vẽ truyền thần, một bộ đồ thờ cúng hiện còn lưu giữ ở nhà thờ Nguyễn Tư tại TP. Hồ Chí Minh.

Tác phẩm của Nguyễn Tư Giản khá nhiều và gồm nhiều thể loại. Theo Trịnh Khắc Mạnh, những tác phẩm chính của ông có: [6]

- *Nguyễn Tuân Thúc thi tập*: gồm các tập: Quan hà tập, Đông chinh tập, Yên thiêu thi thảo, Tiểu Tuyết Sơn phòng thi tập.
  - *Sử lâm ký yếu*: viết theo thể thơ 4 chữ về lịch sử Trung Quốc từ thời Bàn Cổ đến đời Minh cùng những việc hay dở của vua quan nước này. Có lời châu phê của vua Tự Đức.
  - *Thạch Nông thi tập*: gồm những bài thơ trích từ các tập Quan hà thi thảo, Đông chinh tập, Văn lâm thi thảo, Yên thiêu thi thảo, Vân Lộc thi thảo, Tuyết tiêu ngâm thảo.
  - *Thạch Nông toàn tập*: bao gồm gần như toàn bộ thơ và văn của ông.
  - *Thạch Nông văn tập*: gồm thư gửi quan lại tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), bi ký, số và văn trên đường đi sứ. Trong tập sách này có Yên thiêu tập.
  - *Vân Đìem Du Lâm Nguyễn tộc hợp phả*: ghi chép về gia phả họ Nguyễn ở làng Vân Đìem và làng Du Lâm thuộc huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.
  - *Yên thiêu thi văn tập*: gồm thơ văn làm trong dịp đi sứ.
  - *Yên thiêu thi thảo*: gồm thơ làm trong dịp đi sứ.
  - *Yên thiêu thi tập*: gồm thơ làm trong dịp đi sứ.
- Ngoài ra, ông còn tham gia biên soạn:
- *Liễu Đường biểu thảo*
  - *Như Thanh nhật ký*
  - *Phụng tượng vũ lược* ấn dật thần tiên liệt nữ thưởng lãm các sách soạn thành thi tập
- Theo Từ điển Văn học (bộ mới), ông còn có:
- *Thạch Nông tùng thoại tập*: Tập văn đàm đạo của Thạch Nông.
  - *Trung ngoại quỳnh dao tập*: Tập văn thơ tặng đáp giữa sứ bộ Việt Nam và quan khách

Trung Hoa.

- *Hà phòng tấu nghị*: Tâu trình về việc đề điều...

Cũng theo Trịnh Khắc Mạnh, thì thơ của Nguyễn Tư Giản đã được dịch và công bố một số bài trong tập *Thơ đi sứ*, Nhà xuất bản. KHXH, Hà Nội, 1993. Về văn của ông cũng đã được dịch và công bố một số bài trong cuốn *Tư tưởng Việt Nam thế kỷ XIX*, tài liệu lưu hành nội bộ của Viện Triết học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.

Về phương diện sáng tác, Nguyễn Tư Giản thành công hơn ở lĩnh vực thơ ca. Một nội dung rõ nét, đó là tình yêu đất nước, quê hương và đồng bào của ông. GS. Nguyễn Huệ Chi đã có những nhận xét khái quát như sau:

Nguyễn Tư Giản là một nho sĩ luôn lo lắng mặt dân sinh, nên một phần thơ văn của ông đã thể hiện ít nhiều về khía cạnh này. Như trong bài "Họ giả dĩ trị sinh vi tiên luận" (Bàn về việc học giả phải lấy sự lo toan đời sống làm đầu), ông cho rằng kẻ sĩ cũng phải trực tiếp tham gia công việc đồng áng. Ông cũng đề xuất với nhà trường là phải dạy cho người ta cái học "hữu dụng", đó là cái học kết hợp tri và hành.

Ở một số bài khác, ông đã phác họa được cái bóng dáng của người dân lao động, với những nét chân thật, như bài: "Vọng vũ ngâm (Bài ngâm mong mưa), "Hỷ vũ thi" (Thơ mừng mưa), "Hỷ vũ phú" (Phú mừng mưa)...

Đối với vấn đề thời cuộc, tuy ông không có được một thái độ dứt khoát như tướng Tôn Thất Thuyết, nhưng ông cũng là một trong số những người theo phái chủ chiến, tin vào tinh thần yêu nước và sức mạnh của nhân dân. Vì vậy, ông đã viết khá nhiều bài thơ văn theo đề tài này, như: "Cửu nguyệt bệnh khởi" (Tháng Chín khởi ốm trở dậy), "Điều Phan An chiến trường" (Viếng chiến trường Phan An), "Thị Phan Tử Đan" (Bảo Phan Tử Đan), Tiền Nguyễn Hy Phần quy Bình Thuận(Tiền Nguyễn Hy Phần [tức Nguyễn Thông] ra Bình Thuận)...

Nhìn chung, thơ văn ông đều viết bằng chữ Hán, lời lẽ điêu luyện nhưng không quá nhiều điển cố, không chơi chữ. Ngòi bút của ông phác thực, giản dị, lạc quan, chứ không nặng trĩu u hoài. Chính vì vậy, thơ ông nghe nhẹ nhàng, không bị gò bó bởi khuôn sáo và ước lệ.

Sau khi phân tích và dẫn chứng, GS. Nguyễn Huệ Chi kết luận:

Nguyễn Tư Giản là một nhà thơ đứng trung gian giữ dòng thơ tự sự và dòng thơ trữ tình, và trên chỗ đứng này, ông đạt được một giá trị đáng kể, đó là sự "bình đạm"

Viện nghiên cứu Hán nôm có tổ chức một hội thảo khoa học về danh nhân lịch sử và văn hóa Nguyễn Tư Giản vào tháng 9 năm 2000.

Nguyễn Căn (1854-1934) là cháu 3 đời của Nguyễn Án,đậu cử nhân năm 1879, làm tuần phủ Quảng Yên, rồi tổng đốc, có viết 2 tác phẩm là *Bút toán chi nam* và *Hương Khuê thi tập*.

Nguyễn Triệu Luật (1903-1946), là cháu nội của Nguyễn Tư Giản là nhà giáo, nhà văn, nhà báo, thành viên sáng lập Việt Nam Quốc dân đảng vào năm 1927.

Nguyễn Triệu Luật nhờ có vốn hiểu biết sâu về lịch sử cộng với tài tạo dựng, nên những tác phẩm của ông đều thể hiện được màu sắc, không khí của thời xưa và một tinh thần nhân bản dồi dào, sâu sắc.

Ngay từ tiểu thuyết lịch sử đầu tiên là *Hòm đựng người*, Nguyễn Triệu Luật đã được người đương thời chú ý và yêu thích. Đến bộ ba tác phẩm: *Bà chúa Chè*, *Loạn kiều binh* và *Chúa Trịnh Khai*, thì nghệ thuật tiểu thuyết của ông càng được nâng cao hơn và phạm vi đề tài cũng mở rộng hơn. Trong bộ ba này, hay hơn cả là cuốn *Bà chúa Chè*. Qua cuốn sách này, tác giả đã dựng lại khá sinh động hình tượng một *Bà chúa Chè* (tức Đặng thị Huệ nhân vật chính) thông minh, bản lĩnh và biết thương cảm . So với những tiểu thuyết lịch sử đương thời thì *Bà chúa Chè* có sự mới mẻ trong hư cấu, khéo léo trong bố cục, hấp dẫn của tình tiết, chân xác của lịch sử và có cả cái nhìn cấp tiến trong cách đánh giá nhân vật chính.

Nhìn chung, Nguyễn Triệu Luật đã tự mình mở ra một dòng sáng tác tiểu thuyết lịch sử rất đáng trân trọng. Ông đã có ý thức tái hiện lịch sử bằng hư cấu trên cơ sở hiện thực đáng tin cậy, và miêu tả cụ thể chi tiết gây rung động nơi người đọc. Đương thời ông là nhà văn được nhiều độc giả yêu thích. Các nhà văn tài danh như Nguyễn Tuân,Đái Đức Tuấn, Vũ Ngọc Phan..đều có những bài viết ca ngợi ông. Cho nên, dù tác phẩm của ông phần lớn còn dừng lại ở những nét tâm lý, tính cách biểu hiện ở bên ngoài mà chưa khai thác sâu vào thế giới nội tâm của nhân vật, nhưng đó cũng là đặc điểm chung của các sáng tác tiểu thuyết lịch sử ở những năm 30-40 của thế kỷ 20. Ngày nay, truyện của ông vẫn rất đáng được đọc để hiểu về lịch sử Thăng Long một thời xa xưa, cũng như kỹ thuật viết văn của tiểu thuyết gia Việt Nam lúc bấy giờ...[7]

Nguyễn Triệu Luật quan niệm mỗi dân tộc có một nền văn hóa riêng, trước hết thể hiện ở ngôn ngữ. Do vậy, “Mỗi dân tộc có một cách vận chuyển, phô diễn tư tưởng riêng”, đó là “tinh túy riêng của một ngôn ngữ, một dân tộc”, là “Quốc hồn”. Ông mong muốn xây dựng một nền văn hóa riêng của Việt Nam, một nền Giáo dục Việt Nam để đào tạo những con người Việt Nam biết tự “kiêu ngạo”, biết tiếp thu cái hay cái đẹp của văn minh nhân loại mà vẫn đủ sức bảo vệ cốt cách dân tộc, giữ gìn tiếng nói, phát triển văn chương dân tộc, để có thể đàng hoàng “đứng trong trời đất” là một ý tưởng thật sâu sắc, cao cả.

Hội nhà văn Hà Nội có tổ chức ngày 23 tháng 8 năm 2012 một hội thảo “Nguyễn Triệu Luật - con người và tác phẩm” chứng thực một con người đã sống - viết, đồng thời ghi nhận những đóng góp của ông trong lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử qua những tác phẩm có giá trị như 'Bà Chúa Chè', 'Ngược đường Trường thi', 'Loạn kiêu binh', 'Chúa Trịnh Khải'. Một phần quan trọng của hội thảo là nói về tác phẩm và bút pháp viết tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Triệu Luật. Ông để lại 8 cuốn tiểu thuyết lịch sử hoàn thiện, lấy bối cảnh chính là giai đoạn vua Lê chúa Trịnh.

Nhà văn Nguyễn Triệu Căn là con Nguyễn Triệu Luật sưu tầm các bài viết báo của bố ông và đã xuất bản thành sách. [8]

Trong lãnh vực mỹ thuật họ Nguyễn gốc Lý làng Vân Điem còn có nhiều họa sĩ tài danh.

Một họa sĩ trong họ có lối vẽ bằng móng tay là ông ba Lê, là cháu nội Nguyễn Tư Giản [9] được miêu tả bởi nhà văn Nguyễn công Hoan như sau: *Ông ba Lê họ Nguyễn làng Du-Lâm (Cói) có tài vẽ không dùng bút, mà vẽ bằng móng tay gọt nhọn và đầu ngón tay. Trước ở nhà mình có bức tranh lưỡng kê tương đấu (đôi gà trội nhau) rộng đến 60 phân, dài hơn một thước do ông ba Lê vẽ.*

*Bây giờ không tìm được một bức nào ở những gia đình trước treo nhiều tranh của ông ba Lê.* [10]

Thời hiện đại có họa sĩ Nguyễn Thủy Tuân, cháu 5 đời của Nguyễn Án, là một trong những họa sĩ vẽ tranh cổ động nổi tiếng. Ông tốt nghiệp khoa Toán trường Đại học tổng hợp Hà Nội, nhưng lại theo con đường hội họa. Gần 40 năm công tác tại Sở Văn hóa Hà Nội ông cống hiến về thông tin cổ động, để lại tranh cổ động, tranh sơn dầu, tranh khắc gỗ và viết sách nghiên cứu. Ông không chỉ dạy con cháu giá trị của cái đẹp, nghệ thuật và tình yêu thiên nhiên, con người.

Ba trong 6 người con của ông là họa sĩ Nguyễn Thủy Liên, Nguyễn Quốc Vinh, Nguyễn Mai Hương hiện nay đều là những họa sĩ nổi tiếng. Đến đời các cháu, Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Trí Đức, Nguyễn Thu An, Nguyễn Anh Thư cũng trở thành những gương mặt họa sĩ trẻ năng động, giàu nội lực sáng tạo, tham dự nhiều triển lãm mỹ thuật trong nước và quốc tế. Hiếm có một gia đình có nhiều họa sĩ như thế. [11]

Họa sĩ Nguyễn Thủy Liên nổi tiếng với thương hiệu logo và biểu trưng. Một công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, mà người thiết kế là phải tìm được hình tượng vừa dễ hiểu, dễ truyền đạt, gần gũi với số đông công chúng mà lại phải mang tính khái quát cao. Nguyễn Thủy Liên đã đạt được rất nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế. Ông đã có tới 14 giải thưởng biểu trưng toàn quốc trong đó có giải nhất với biểu trưng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tư pháp Việt Nam, Các sáng tác của ông được nhiều người biết như logo của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Báo Hà Nội mới, thành phố Đà Nẵng, thành phố Tam Điệp, Ban Dân vận Trung ương, Đảng bộ khối các cơ quan Trung ương, Hội Thầy thuốc Việt Nam, Hội Thư viện Việt Nam...

Họa sĩ Mai Hương, em của Nguyễn Thủy Liên cho rằng, cha mình đã “cấy” tình yêu sách vở, hội họa cho con khi ông xây dựng một thư viện nhỏ ngay trong gia đình. “Chúng tôi không chỉ tự hào về dòng họ, truyền thống gia đình mà còn được thừa hưởng giá trị từ chính tâm hồn cha tôi. Ông đã ngân lên những giai điệu về cái đẹp. Tôi nghĩ giá trị của cái đẹp chính là khi người nghệ sĩ “nói” bằng tác phẩm, và người khác nhận về xúc cảm. Bố tôi đã truyền cho chúng tôi và thế hệ sau

nữa những điều đó”. Nhiều họa sĩ đánh giá, tranh Mai Hương diễn tả cảm xúc đa chiều, có nét cô đơn, ảo mờ sương khói nhưng không cô liêu và vẫn ánh lên những sắc thắm hy vọng.

Các bức tranh nổi tiếng như bức “Biển thức” được lưu giữ tại Bảo tàng Ấn độ trong dịp tham gia Triển lãm- hội thảo Mỹ thuật quốc tế Olympia, vẽ trên nền đen mênh mông của biển. Bức “Sông Hồng mùa lũ” là một điển hình, có sợi dây thép căng để thể hiện chiếc cầu Long Biên bắc ngang sông Hồng. Bức “Tơ” đoạt giải xuất sắc, tại triển lãm Mỹ thuật Quốc tế lần thứ 20 tại Hàn Quốc.

Con gái họa sĩ Mai Hương là Nguyễn Anh Thư, là họa sĩ trẻ nhất được đọc tham luận tại Biennale Nghệ thuật Quốc tế Bắc Kinh lần thứ sáu. Hiện tại, Anh Thư đang có tranh tham gia tại các triển lãm ở Hungary. Đặc biệt gần đây nhất, Anh Thư đã tham gia Triển lãm tranh quốc tế “Meadows Personal Structure” tại Italy.

Con của họa sĩ Nguyễn Thủy Liên là họa sĩ Nguyễn Thu Thủy rất thành công với việc sáng tác những logo ấn tượng, như logo của Đại hội Thi đua toàn quốc, rồi Hội Sinh viên Việt Nam. Hiện Thủy là giảng viên khoa Du lịch-trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

Có một điều khá đặc biệt, là năm 2010 báo Quân đội Nhân dân đã tổ chức cuộc thi vẽ logo, ba giải cao nhất thuộc về hai cha con Nguyễn Thủy Liên. Trong đó, Nguyễn Thu Thủy giành giải nhất, hai giải nhì thuộc về Nguyễn Thủy Liên.

Đến nay, họa sĩ Thu Thủy đã thực hiện được nhiều công trình nghệ thuật cộng đồng như: Lá cờ Việt Nam bằng gốm ở Trường Sa, Ngôi nhà gương, Trái tim tình yêu Hà Nội bên hồ Trúc Bạch, Đài phun nước bộ ấm trà tri kỷ trên đồi chè Tân Cương (Thái Nguyên), Đài phun nước Bông Sen Vàng... Bộ phim ngắn “Thu Thủy- những giấc mơ gốm” đã giành giải thưởng rất ấn tượng tại liên hoan phim ngắn Top Short là một liên hoan phim Quốc tế online hàng đầu thế giới được tổ chức hàng năm tại thành phố Los Angeles : Hai giải thưởng gồm: Video giới thiệu phim hay nhất trao cho đạo diễn Nguyễn Nghiêm Nhan, Đài THVN và Người phụ nữ truyền cảm hứng trong phim cho họa sĩ Nguyễn Thu Thủy. Bộ phim kể về những ý tưởng thiết kế và quá trình thi công các công trình nghệ thuật công cộng của họa sĩ Thu Thủy và các cộng sự, đặc biệt là con đường gốm sứ ven sông Hồng - công trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội.. Bộ phim này đã tạo cơ hội cho hình ảnh và những vẻ đẹp Việt Nam lan tỏa ra thế giới.

Các con cháu họ Nguyễn gốc Lý tiếp tục làm rạng danh dòng họ và đóng góp trong nền văn hóa nước nhà.

Tài liệu tham khảo :

[1]- Đại Việt sử ký toàn thư, NXB VHTT, 2004.

[2]- Trần Trọng Kim ,Việt Nam sử lược.

[3]- Nguyễn Triệu Luật ,Ngược đường trường thi 1939.

[4]- Nguyễn Hoạt,Chuyện địa lý phong thủy họ Nguyễn gốc Lý. Chimvie3.free.fr

[5]-Trần văn Giáp ,Lược truyện các tác gia Việt Nam tập I. Nxb Khoa học xã hội 1971

[6]- Wikipedia- Nguyễn Tư Giản

[7]-Wikipedia- Nguyễn Triệu Luật

[8]- Nguyễn Triệu Luật – Tác phẩm đăng báo ,Nxb Tri Thức 2014

[9]- Tư liệu

[10]-Nguyễn công Hoan, Nhớ và ghi, Nxb TPM 1978

[11]-Thụy Miên,cái đẹp trong gia đình toàn họa sĩ thành danh.An ninh thủ đô, 2017

Nguyễn Hoạt